TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17/10/2018
V/v: *"Xin ly hôn, nuôi con chung''*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Trí
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Hồng Vũ
2. Ông Lê Văn Nhàn
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Hồ Thị Lài – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày **17** tháng **10** năm **2018** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 226/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018 về việc "*Xin ly hôn, yêu cầu nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 209/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa phiên tòa số: 221/2018/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Bùi Thị T**, sinh: 1995. (Có mặt)
Trú tại: ấp B, xã A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.
2. *Bị đơn:* Anh **Trần Văn Th**, sinh: 1988. (Vắng mặt)
Trú tại: ấp B, xã A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn ngày 11/6/2018, bản khai cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Bùi Thị T trình bày:

Chị và anh Trần Văn Th do mai mối và tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn vào ngày 14/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại gia đình bên chồng và có 01 con chung tên Trần Thị N, sinh: 31/10/2017. Hôn nhân lúc đầu có hạnh phúc nhưng về sau thì dẫn đến bất đồng quan điểm do anh Th cờ bạc, không lo cho gia đình mặc dù chị có nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh Th vẫn không thay đổi. Từ khi chị sinh con chị về sống bên nhà cha mẹ ruột sống và ly thân cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Th nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- *Về hôn nhân*: Xin ly hôn anh Trần Văn Th.

- *Về con chung*: Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh Trần Văn Th cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung*: Không có.

- *Về nợ chung*: Không có.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng như nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị T. Về con chung: Giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Th không phải cấp dưỡng, Tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Chị Bùi Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn Th. Do đó, xét đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc "*Xin ly hôn, nuôi con chung*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Trần Văn Th có nơi cư trú tại xã A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ cũng như thông báo hòa giải cho anh Thi đến Tòa để tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng của anh chị nhưng anh Th vắng mặt không lý do nên không thể tiến hành hòa giải được. Ngoài ra, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2, nhưng anh Th vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Th.

Về Nội dung:

Chị Bùi Thị T và anh Trần Văn Th đăng ký kết hôn vào ngày 14/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo chị T trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017 do anh Th không chịu lo làm ăn mà nảy sinh cờ bạc mặc dù chị T có nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh Th không thay đổi. Từ khi sinh con thì chị T về bên nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân cả hai đều không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ.

Hiện tại chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Th nữa nên chị cương quyết ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung không yêu cầu anh Th cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về hôn nhân: Chị T thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng thực tế đã diễn ra từ khi chị sinh con thì chính thức ly thân từ đó cho đến nay không thể hàn gắn, đoàn tụ được. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập anh Th đến để hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng của anh chị nhưng anh Th không có mặt, chị T vẫn kiên quyết đòi ly hôn vì cho rằng tình cảm giữa chị và anh Th đã không còn. Ngoài ra, Tòa án cũng đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của anh chị vào ngày 12/9/2018 bà Nguyễn Thị T là mẹ ruột chị T cho rằng anh Th không chịu lo làm ăn để chăm lo cho vợ con mặc dù chị The có kêu anh Thi đi làm nhưng Thi không cịu và từ khi sinh con cho đến nay chị T về ở chung nhà với bà nhưng Th cũng không quan tâm chăm sóc vợ con. Theo bà tình trạng hôn nhân giữa T và Th ly hôn sẽ tốt cho cả hai. Do đó, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Th đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp.

Về con chung: Theo chị T trình bày, anh chị có 01 người con chung tên Trần Thị N, sinh: 31/10/2017. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng. Tuy nhiên, việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện tại con chung giữa chị T và anh Th là cháu Trần Thị N, sinh: 31/10/2017 hiện tại cháu chưa tròn 36 tháng tuổi và qua kết quả xác minh thấy rằng anh Th ít khi quan tâm chăm sóc đến con chung. Hiện tại cháu N đang sống chung với mẹ và cháu vẫn đang phát triển ổn định về mọi mặt. Do đó, căn cứ theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của chị T nên giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị T không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con, nên không đề cập.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có nên không đề cập.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

- *Về án phí*: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị T có nghĩa vụ nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng các Điều 28, 35, 147 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị T.

Về hôn nhân: Chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Trần Văn Th.

Về con chung: Sau khi ly hôn con chung của chị T và anh Th là cháu Trần Thị N, sinh: 31/10/2017 sẽ do chị The trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành hoặc khi chị T, anh Th có yêu cầu khác, anh Th không phải cấp dưỡng do chị T không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm, chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên, không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung không có nên không đề cặp.

2. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị Bùi Thị T phải nộp nhưng được khấu trừ theo biên lai số: 0016537 ngày 25 tháng 5 năm 2018.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- *VKSND huyện Mỏ Cày Nam.*
- *TAND tỉnh Bến Tre.*
- *CCTHADS huyện Mỏ Cày Nam.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Huỳnh Minh Trí